

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6-2020
V/v Tranh chấp hôn nhân gia
đình về ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Thẩm

2. Bà Trần Ánh Nhạn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phan Hải L, sinh năm 1989; địa chỉ: khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Lê Hồ Ngọc T, sinh năm 1991; địa chỉ: khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: ấp T1, xã T2, huyện G, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Phan Hải L trình bày:

Anh và chị T có tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Lộc, huyện Trảng Bàng(nay là phường Gia Lộc, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T có tình cảm với người khác, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không thể hàn gắn được. Vợ

chồng ly thân từ tháng 01-2020 đến nay. Hiện tại, không ai quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 01 con chung: Cháu Phan Thị Pha L1, sinh ngày 23-8-2011, hiện cháu đang sống với anh L. Anh làm nghề thợ hồ, thu nhập mỗi tháng khoảng 9.000.000 đồng. Anh đang sống chung với cha mẹ ruột, lúc đi làm có thể nhờ ông bà nội chăm sóc cháu Lê. Anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Lê Hồ Ngọc T trình bày: Thống nhất với lời trình bày của anh L về thời gian chung sống, thời gian kết hôn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh L ghen tuông vô cớ, có đánh chị nhưng không đến mức phải đi bệnh viện. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 01-2020 đến nay, không ai có thiện chí hàn gắn. Hiện tại, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau, mâu thuẫn rất trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị đồng ý ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Phan Thị Pha Lê, sinh ngày 23-8-2011, hiện cháu đang sống với anh L. Chị làm công nhân may tại khu công nghiệp Trảng Bàng, thu nhập mỗi tháng khoảng 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng. Chị đang sống chung với cha mẹ ruột, lúc đi làm có thể nhờ ông bà ngoại chăm sóc cháu Lê. Chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê, không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L, anh L được ly hôn với chị T; về con chung: Giao con chung là cháu Phan Thị Pha Lê cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Phan Hải L khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Lê Hồ Ngọc T, địa chỉ: ấp T Vàng 2, xã Thanh Phước,

huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Phan Hải L và chị Lê Hồ Ngọc T thuận tình ly hôn nên cần ghi nhận.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung: Cháu Phan Thị Pha L1, sinh ngày 23-8-2011. Xét thấy, cháu Lê đang sống chung với anh L, học Trường tiểu học Lộc Trát, nơi gia đình anh L đang sinh sống. Anh L làm thợ hồ, có thu nhập khoảng 9.000.000 đồng/tháng và đang sống chung với cha mẹ nên lúc đi làm có thể nhờ ông bà nội chăm sóc, đưa rước cháu Lê. Chị T làm công nhân may, thu nhập từ 7.000.000 đến 8.000.000 đồng/tháng, thấp hơn mức thu nhập của anh L. Hơn nữa, tại biên bản ghi lời khai ngày 05-6-2020, cháu biết việc anh L, chị T ly hôn và nguyện vọng của cháu là tiếp tục chung sống với anh L. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Lê, nên cần giao cháu Lê cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh L, chị T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh Phan Hải L phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 về việc thi hành luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phan Hải L với chị Lê Hồ Ngọc T.

2. *Về con chung*: Giao cho anh Phan Hải L có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Thị Pha L1, sinh ngày 23-8-2011. Ghi nhận anh L không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí:* Anh Phan Hải L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm ngàn) đồng vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000237 ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh (Ghi nhận anh L đã nộp xong).

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Gia Lộc, tx. Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Nguyễn

